

Số: 342/2023/QĐST-HNGĐ

Hoàng Mai, ngày 14 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 398/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”. Đối với người yêu cầu:

- Anh Vũ Đức T, sinh năm 1993.

Nơi thường trú: P209 Nhà E Tổ 6A phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Số 257 phố Đ, tổ 7, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

- Chị Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1993;

Nơi thường trú và chỗ ở hiện tại: Ấp B, xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Vũ Đức T và chị Trần Thị Ngọc N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội vào ngày 28/9/2020. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm lối sống. Anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên cùng làm đơn thuận tình ly hôn, đồng thời thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu như trong đơn thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vũ Đức T và chị Trần Thị Ngọc N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Vũ Đức T và chị Trần Thị Ngọc N xác nhận có một con chung là Vũ A, sinh ngày 20/10/2020. Anh, chị thỏa thuận giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác; Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 6/2023 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh T và chị N xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về nợ chung: Anh T và chị N xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về lệ phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai số 0000056 ngày 05/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (ĐKKH số 78 ngày 28/9/2020);
- Chi cục THA dân sự quận Hoàng Mai;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm